

KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC TRONG VIỆC ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

LƯU NGỌC TRỊNH*

Khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu đã diễn ra hơn một năm và hiện đã có những dấu hiệu kha quan, báo hiệu nền kinh tế toàn cầu cũng như của nhiều quốc gia đã hoặc bắt đầu chạm đáy, thậm chí một số nền kinh tế đã hoặc bắt đầu bước vào giai đoạn phục hồi. Mỗi nước, mỗi khu vực đều có những hành động, bài học và kinh nghiệm khác nhau để ứng phó với khủng hoảng. Có thể nói, những kinh nghiệm (cả thành công lẫn chưa thành công) trên thực tế là rất đa dạng và phong phú, và không phải đều giống nhau. Bài viết này chỉ phân tích và rút ra những kinh nghiệm chung nhất, có tính bài học, mà mọi nước hay phần đông các nước đã, cần và thường làm.

1. Thứ nhất, cần tìm hiểu sâu, đánh giá đúng khủng hoảng. Chúng ta sẽ không thể giải quyết được khủng hoảng, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính phức tạp có quy mô toàn cầu như hiện nay, nếu chúng ta không hiểu nó. Chính vì thế, ngay từ khi xảy ra khủng hoảng tài chính tín dụng ở Mỹ, thậm chí ngay từ khi có những dấu hiệu cảnh báo khủng hoảng kinh tế có khả năng nổ ra, hầu hết các tổ chức quốc tế lẫn các quốc gia đã tiến hành rộng rãi các cuộc Hội thảo, các hội nghị, các nhóm nghiên cứu chuyên sâu quy tụ những người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, đến các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, lẫn các tổ chức tư vấn tư nhân nhằm nhanh chóng tìm hiểu thực chất, sự tiến triển, hy vọng có thể đánh giá chính xác nguyên nhân và tác động của cuộc khủng hoảng đối với nền kinh tế toàn cầu, khu vực, quốc gia và từng ngành, cũng như từng doanh nghiệp; đề từ đó đề ra các giải pháp nhằm tránh, thoát ra hay giảm nhẹ được tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng này. Tiêu biểu trong số đó, phải kể đến các Diễn đàn kinh tế thế giới, các Hội nghị thượng

* PGS.TS. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.

định của G8, G20, của OECD, WTO, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Hội nghị chống khủng hoảng của Liên hợp quốc, APEC, EU, ASEAN và ASEAN+3.... Mặc dù đến nay, người ta chưa hoàn toàn hiểu rõ, hay nói đúng hơn là chưa có nhận thức thống nhất về bản chất, quy mô thiệt hại, tầm vóc thực sự và nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng này, điều đó cũng ít nhiều tác động đến "sự bốc thuốc" khắc phục khủng hoảng, nhưng cũng không thể bác bỏ được một điều là, những ý kiến trao đổi và phân tích tại các Hội thảo hay Diễn đàn nêu trên đã góp phần đáng kể, tích cực và thực sự vào việc định hình các quan điểm, các chính sách và hành động của các tổ chức quốc tế, các Chính phủ và các doanh nghiệp trong việc tránh, khắc phục, giảm nhẹ tác động của cuộc khủng hoảng.

2. Thứ hai, không thể bác bỏ vai trò to lớn của Nhà nước. Trong điều kiện khủng hoảng tài chính - kinh tế nghiêm trọng lần này, người ta thấy rằng, học thuyết Keynes với vai trò của Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế được thừa nhận trở lại và trở nên không thể thiếu được trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhất là trong bối cảnh kinh tế và tài chính đang lâm nguy. Điều đáng chú ý, là tất cả các Chính phủ của các nền kinh tế bị khủng hoảng tác động đều đã can thiệp mạnh mẽ vào thị trường tài chính, cứu các ngân hàng, các doanh nghiệp sắp phá sản. Các Chính phủ đã hành động hoàn toàn ngược lại so với những gì Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã từng áp đặt khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á nổ ra năm 1997. Thay vì cắt giảm chi tiêu ngân sách, hạn chế tín dụng, thắt chặt chính sách tiền tệ, các Chính phủ lần này mạnh mẽ chi tiêu để cứu ngân hàng, doanh nghiệp, thúc đẩy tiêu dùng. Trong thực tế, các Chính phủ đã thực thi các chính sách can thiệp kinh tế theo ba hướng sau đây: *Một là*, ban hành các chương trình cứu trợ khẩn cấp nhằm mục đích kích thích tiêu dùng và thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. *Hai là*, tăng tính thanh khoản cho thị trường thông qua các chính sách hạ lãi suất, hạ tỉ lệ dự trữ bắt buộc, bơm vốn cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính. *Ba là*, thực hiện cải cách cơ cấu kinh tế và doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý, giám sát. Các chương trình trợ giúp được đưa ra đồng thời với yêu cầu một số ngành công nghiệp phải thực hiện tái cơ cấu nhằm tăng cường hiệu quả kinh tế. Tăng cường giám sát cũng là một nhiệm vụ trọng tâm bởi sự yếu kém trong giám sát luôn là một trong những nguyên nhân gây nên các cuộc khủng hoảng. Trong cuộc khủng hoảng này, các Chính phủ nói chung, đã can thiệp vào nền kinh tế theo ba giai đoạn sau: *Trước hết*, tiến hành các biện pháp cứu trợ khẩn cấp nhằm cứu vớt các tổ chức tài chính tín dụng tránh cho chúng khỏi bị đổ vỡ hàng loạt, hạn chế sự lan rộng của khủng hoảng tài chính, cố gắng không để cho khủng hoảng tài chính tín dụng có thể bùng nổ thành khủng hoảng kinh tế toàn cầu nghiêm trọng. Nhờ các biện pháp này, mà tình trạng hoảng loạn ban đầu và nguy cơ đổ vỡ dây chuyền hàng loạt trên quy mô toàn cầu của các tổ chức tài chính tín dụng đã được ngăn chặn. *Tiếp theo*, tiến hành các gói cứu trợ quy mô lớn nhằm kích thích tiêu dùng trong nước và phục hồi sản xuất kinh doanh. Và *cuối cùng* là có những giải pháp để thúc đẩy quá trình cải tổ cơ cấu kinh tế và doanh nghiệp, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế

và doanh nghiệp, giúp họ có thể thoát khỏi khủng hoảng, trụ vững và phát triển bền vững sau khủng hoảng.

3. Thứ ba, thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác và thống nhất trong hành động.

Trong thời đại toàn cầu hóa, giao lưu và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, không có bất cứ nền kinh tế nào, thậm chí một doanh nghiệp nào có thể hoạt động một cách biệt lập với thế giới xung quanh. Sức lan tỏa nhanh chóng và sâu rộng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu lần này cũng cho thấy điều đó. Trong điều kiện như vậy, bất cứ một hành động đơn phương và không phối hợp của bất cứ một quốc gia nào đều trở nên vô tác dụng hoặc kém hiệu quả, khó có thể giúp họ khắc phục và thoát ra khỏi khủng hoảng, thậm chí còn có thể tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu nói chung. Với nhận thức rằng, trước nguy cơ khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự đồng tâm hợp tác, thỏa hiệp và chung tay hành động giữa các nước là lối thoát duy nhất đưa nền kinh tế thế giới, kinh tế các khu vực và mỗi quốc gia từng bước thoát khỏi cuộc khủng hoảng. Trong cuộc khủng hoảng này, các tổ chức quốc tế, các Chính phủ và thậm chí không ít các doanh nghiệp đã có sự phối hợp nhất định trong việc hoạch định và thực thi các chính sách và biện pháp hạn chế thoát ra khỏi khủng hoảng. Chúng ta có thể thấy được điều này qua việc người ta đã vượt qua được các mâu thuẫn và khác biệt để đạt được các thỏa thuận tại các Hội nghị thượng đỉnh G20 lần thứ nhất vào ngày 15/11/2008, lần thứ hai vào ngày 2/4/2009 và lần thứ ba vào các ngày 24-25/9/2009, cũng như những thỏa thuận đạt được tại Hội nghị chống khủng hoảng của Liên hợp quốc, của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), và của các tổ chức hợp tác khu vực như Liên minh châu Âu (EU), ASEAN và ASEAN+3, của Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO),... Tại đây, họ không những chia sẻ kinh nghiệm với nhau về chống khủng hoảng, mà còn cùng nhau cam kết: Khôi phục lòng tin, tăng trưởng và việc làm nhằm phục hồi kinh tế nhanh, bền vững; Bảo đảm nguồn quỹ thích hợp cho các tổ chức tài chính quốc tế, như IMF, WB, để những tổ chức này can thiệp vào các nền kinh tế thị trường mới nổi chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, hoặc tạo ra các Quỹ hoán đổi tiền tệ (ASEAN+3) để giúp nhau khi xảy ra tình trạng khẩn cấp; Làm trong sạch hệ thống tài chính quốc tế khiến chúng trở nên lành mạnh, có khả năng cảnh báo cao hơn, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; Cải cách thể chế tài chính tiền tệ để vượt qua khủng hoảng và ngăn chặn các cuộc khủng hoảng trong tương lai; Thúc đẩy đầu tư thương mại toàn cầu, ngăn chặn sự xuất hiện trở lại chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Tuy vậy, các Hội nghị này, người ta mới chỉ đạt được những thỏa thuận chung. Đây mới chỉ là sự khởi đầu, các cuộc thương lượng và phối hợp hành động còn khó khăn, phức tạp, kéo dài, đòi hỏi phải có các liều thuốc đủ mạnh, và phải hành động thống nhất hơn nữa, mới có thể giúp các nước thoát nhanh ra khỏi khủng hoảng kinh tế, tài chính hiện nay.

4. Tái lập lại các cân bằng kinh tế - chính trị toàn cầu là giải pháp quyết định để thoát ra khỏi khủng hoảng và duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững. Nhiều ý kiến cho rằng, một trong những nguyên nhân căn bản gây ra khủng hoảng tài chính tin dụng ở Mỹ và dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu là

do những mất cân bằng căn bản trong hệ thống kinh tế và chính trị toàn cầu. Đó là những mất cân bằng nào?

- *Thứ nhất*, sự lạc hậu, bất lực, không tương thích và không phù hợp của cơ cấu tổ chức, các cung cách vận hành, điều chỉnh và quản trị của các tổ chức chính trị, kinh tế và tài chính - tiền tệ quốc tế như: Liên hợp quốc, IMF và WB, ra đời trên cơ sở của hoàn cảnh và trình độ phát triển kinh tế và chính trị sau chiến tranh thế giới thứ hai, trước những hoàn cảnh mới và hoàn toàn khác của đầu thế kỷ XXI. Khác với ba thập kỷ trước đây, và càng khác hơn so với những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ngày nay, quy mô của từng nền kinh tế quốc gia lẫn kinh tế thế giới đã trở nên vô cùng to lớn, gấp nhiều lần so với trước. Ngày nay, tương quan lực lượng giữa các quốc gia đã thay đổi, nền kinh tế Mỹ từ chỗ chiếm 52% nền kinh tế toàn cầu ngay sau Chiến tranh, nay chỉ còn khoảng 28%, trong khi đó thị phần của các nền kinh tế Nhật Bản và EU, đặc biệt là các nền kinh tế thị trường mới nổi (BRICs, gồm Braxin, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) đã tăng rất mạnh và thậm chí còn tranh chấp với Mỹ trên nhiều phương diện. Điều đó có nghĩa là tiếng nói và ảnh hưởng của Mỹ không còn có tính quyết định duy nhất trên bản đồ kinh tế và chính trị thế giới nữa. Ngày nay, nền kinh tế toàn cầu và của nhiều quốc gia đã phát triển rất cao, dựa trên những nền tảng công nghệ và kỹ thuật hoàn toàn mới và đang dần chuyển sang nền kinh tế tri thức với những quy luật vận động hoàn toàn khác so với cơ sở công - nông nghiệp trước đây. Đồng thời, khác hẳn so với tính chất đóng cửa hay ít mở cửa của các nền kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã trở nên ngày càng sâu rộng, trong đó có sự phát triển và chi phối của các TNCs, một trong những tác nhân chủ yếu của nền kinh tế toàn cầu. Cùng với toàn cầu hóa, các dòng tài chính, đầu tư và thương mại di chuyển tự do trên phạm vi toàn cầu với tốc độ cao. Xu hướng chung là các dòng vận động này tuân thủ "luật chơi toàn cầu", thực chất là luật chơi thị trường ngày càng tự do hóa. Theo xu hướng đó, sự vận động của các nguồn lực ngày càng vượt ra khỏi sự chế ước của các quy tắc quản trị quốc gia, tức là thoát khỏi sự điều tiết Nhà nước ở từng quốc gia cụ thể. Đây là một xu thế tất yếu. Chính theo xu thế đó, trong không gian thể chế toàn cầu - hội nhập quốc tế, kinh tế thế giới đã bùng nổ tăng trưởng. Quá trình này kéo dài liên tục trong hàng chục năm, khẳng định tính tất yếu của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Nó cũng khẳng định phải có những luật chơi và thể chế quản trị toàn cầu tương ứng, không bị trói buộc bởi những thể chế quản trị quốc gia vốn rất khác biệt, thậm chí, trái ngược và xung đột lẫn nhau. Khủng hoảng thể chế quản trị nền kinh tế toàn cầu cũng có thể xem là một trong những nguyên nhân không nhỏ dẫn đến khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu hiện nay.

- *Thứ hai*, từ cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, với sự xuất hiện của chủ nghĩa tự do mới, quan hệ giữa Nhà nước và thị trường đã bị đảo lộn theo hướng vai trò của Nhà nước ngày càng bị người ta thu hẹp đến mức tối thiểu, còn thị trường được khuyến khích, ngày càng lấn sâu hay lấn át Nhà nước và được coi là có quyền lực gần như tuyệt đối và không bị kiểm soát

trong việc vận hành nền kinh tế và cả xã hội. Nguyên lý cân bằng, hài hòa trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và Nhà nước trong vận hành nền kinh tế thị trường bị vi phạm nghiêm trọng. Đúng như cuộc khủng hoảng này một lần nữa trải nghiệm cuộc đối chọi giữa hai trường phái lý thuyết chủ yếu - trường phái Keynes, đánh giá cao vai trò của điều tiết Nhà nước và trường phái Tân Cổ điển, nhấn mạnh vai trò của cạnh tranh tự do và đề cao quyền lực của "bàn tay vô hình" với Hayek là đại diện. Có vẻ cuộc khủng hoảng lần này chứng tỏ tính đúng đắn của lý thuyết Keynes: nền kinh tế Mỹ bị sụp đổ do thả lỏng quá mức vai trò điều tiết của thị trường tự do, đồng thời việc giải cứu nó theo đúng bài học Keynes: Nhà nước tung các gói kích cầu thì mới đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng. Đúng là như vậy. Cuộc khủng hoảng này bắt nguồn trực tiếp từ việc Chính phủ Mỹ cũng như nhiều Chính phủ khác của các nền kinh tế phát triển đã "trao" quá nhiều quyền cho cơ chế thị trường tự do mà lại thiếu sự giám sát. Cục Dự trữ Liên bang đã thả lỏng tín dụng cho sự bùng nổ tăng trưởng "ảo" trong một thời gian quá dài. Kết cục là nền kinh tế sụp đổ. Sự sụp đổ này chuyển sang các nền kinh tế Tây Âu, Nhật Bản chỉ là hệ quả không tránh khỏi. Lỗi cấu trúc là ở sự mất cân đối nghiêm trọng trong quan hệ chức năng Nhà nước - thị trường: khi quá ít Nhà nước và quá nhiều thị trường tự do.

- Thứ ba, trong gần ba thập kỷ qua, trong khi các nền kinh tế công nghiệp phát triển, trước hết là Mỹ, đầu tàu của nền kinh tế thế giới, phát triển chủ yếu theo mô hình của một xã hội tiêu dùng, hạn chế tiết kiệm và phụ thuộc vào hàng tiêu dùng nhập khẩu từ bên ngoài, thì các nền kinh tế đang phát triển, nhất là châu Á, như Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á, và phần nào đó Nhật Bản, lại thiên về việc tiết kiệm, thúc đẩy đầu tư để phát triển mô hình công nghiệp hóa theo chiều rộng, gia công bằng nguồn vốn bên ngoài và hướng về xuất khẩu. Mỗi cân bằng này đã tiến dần đến mất cân đối nghiêm trọng ở chỗ, các nền kinh tế phát triển đã trở nên tiêu dùng thái quá, vượt cả những gì mà họ sản xuất ra, khiến họ phải phụ thuộc vào hàng nhập khẩu, phải đi vay để đầu tư vì tiết kiệm trong nước quá thấp, thiếu hụt ngân sách và cán cân thanh toán ngày càng nghiêm trọng, trong khi các nền kinh tế châu Á lại tiết kiệm quá nhiều và tiêu dùng quá ít, họ phải phụ thuộc nặng vào thị trường nước ngoài, nhất là thị trường Mỹ, cho các mặt hàng xuất khẩu của mình cũng như về vốn đầu tư trực tiếp. Hậu quả là, khi nền tài chính và sau đó là kinh tế Mỹ bị trục trặc, thị trường tiêu thụ khổng lồ cho các mặt hàng xuất khẩu của châu Á bị thu hẹp đột ngột, để đẩy các nền kinh tế này vào suy thoái và khủng hoảng nghiêm trọng do nguồn cung cấp vốn và thị trường tiêu thụ hàng xuất khẩu của họ bị cắt giảm đáng kể.

- Thứ tư, cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế mạnh do thị trường điều tiết một cách không kiểm soát ở các nước công nghiệp phát triển và ở các nước đang phát triển công nghiệp hóa nhanh, nhất là ở các nền kinh tế mới nổi, một hậu quả tất yếu là thế giới ngày càng bị đẩy vào các cuộc khủng hoảng năng lượng, lương thực, khủng hoảng nguồn nước và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, và đặt nhân loại trước những hậu quả tai hại khôn lường của việc biến

đôi khí hậu toàn cầu, trước các cuộc tranh chấp và xung đột, tranh chấp tài nguyên, tranh chấp thị trường và tranh chấp không gian ngày càng trở nên gay gắt. Không những thế, không ít các ý kiến cho rằng, một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến hay đúng hơn là đây cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu hiện nay tới mức nghiêm trọng như vậy, một phần không nhỏ, là do nhân loại đã bị đẩy tới giới hạn của các nguồn lực tự nhiên, đang phải đối mặt với những tình trạng ô nhiễm và biến đổi khí hậu nghiêm trọng đang tác động trực tiếp tới sự tồn vong của mình và không thể không giải quyết ngay.

Vì thế, để có thể tránh được các cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai, hoặc chí ít cũng có thể hạn chế được các tác động tiêu cực của chúng nếu xảy ra, và để đạt được sự tăng trưởng kinh tế lâu dài và bền vững, chúng ta cần tái lập lại những cân bằng cơ bản này, coi đó như là giải pháp cơ bản, lâu dài, nhưng cần phải làm ngay, và trong cuộc khủng hoảng lần này, người ta cũng đã bàn, cam kết và bước đầu đã có những chính sách và giải pháp theo hướng này.

+ *Thứ nhất*, trong lĩnh vực quản trị phát triển toàn cầu, người ta đã cam kết phải nhanh chóng cải tổ các tổ chức kinh tế và tài chính quốc tế, nhất là Liên hợp quốc, Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới để gia tăng hiệu quả của quản trị nền kinh tế toàn cầu, khiến cho chúng trở nên minh bạch hơn, đảm bảo nguyện vọng và nhu cầu của từng quốc gia đều được lắng nghe và tính đến, phù hợp với tương quan lực lượng và trật tự mới giữa các quốc gia. Trên thực tế, trong một năm qua, đã có rất nhiều các cuộc Hội nghị, cả thượng đỉnh lẫn các cấp thấp hơn, cả các cuộc gặp song phương lẫn đa phương, để bàn và đưa ra các giải pháp theo hướng trên cho vấn đề này. Tuy vậy, có một thực tế là cho dù người ta đã đạt được một số giải pháp và cho dù có thay đổi theo hướng nào đi chăng nữa, song đây sẽ là một quá trình phức tạp, lâu dài vì hệ thống cũ cơ bản phục vụ lợi ích của các nước lớn, nên không dễ gì họ chấp nhận từ bỏ các lợi ích đó. Hơn nữa, trong một thời gian rất dài, các nước lớn vẫn đóng vai trò quyết định trong hệ thống quốc tế, bởi lẽ họ vẫn có ảnh hưởng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực và nắm trong tay những nguồn lực lớn nhất về tài chính, nhân lực có trình độ cao, khoa học - công nghệ tiên tiến, trình độ quản lý tốt. Vì thế, mặc dù hầu hết các quốc gia đều thấy hạn chế của hệ thống cũ, nhưng việc xóa bỏ hệ thống này và lập nên một hệ thống hoàn toàn mới hiện vẫn chưa có, nếu không muốn nói là bất khả thi. Tuy vậy, các quốc gia cuối cùng sẽ có những thỏa hiệp để tạo dựng một hệ thống quốc tế không chỉ đủ sức duy trì, bảo đảm hòa bình, an ninh và phát triển, mà còn phản ánh tương quan lực lượng giữa các nước và trào lưu dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế. Sự bất cập và suy yếu của hệ thống cũ có thể là cơ hội mở đầu cho việc xây dựng một hệ thống phù hợp hơn trong tương lai.

Thứ hai, cuộc khủng hoảng đã làm thay đổi mạnh mẽ nhận thức về vai trò của Nhà nước trong kinh tế. Từ quan niệm của trường phái Tân tự do cho rằng chỉ cần một Nhà nước nhỏ, tạo điều kiện cho tự do kinh doanh thì kinh tế thị trường có thể phát triển có hiệu quả. Cuộc khủng hoảng đã chứng minh nhận định đó là quá giản đơn, và nay, người ta đi đến các nhận thức thống nhất như sau: Mặc dù sự cần thiết phải có sự can thiệp của Nhà nước không có nghĩa là

người ta cần Nhà nước can thiệp nhiều hơn, mà là phải có hiệu quả hơn và phù hợp hơn với năng lực vốn có; Nhà nước được thừa nhận là có vai trò quan trọng bảo đảm môi trường kinh doanh để kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả như tổ chức việc cung ứng các hàng hóa công, giám sát hoạt động của các thể chế kinh tế thị trường tuân thủ pháp luật, bảo đảm an sinh xã hội và can thiệp khi cần thiết để tránh nền kinh tế bị sụp đổ khi các ngân hàng thương mại hay các doanh nghiệp quá lớn phá sản. Điều quan trọng là Nhà nước không hành động ngược lại các nguyên tắc của kinh tế thị trường và không thay thế các thể chế kinh tế thị trường. Tạm thời can thiệp, dừng lại ngân hàng thương mại hay doanh nghiệp, hoàn toàn không đồng nghĩa với việc Nhà nước phải đứng ra trực tiếp kinh doanh hay duy trì lâu dài doanh nghiệp Nhà nước. Trong các quy định về việc mua cổ phần ở các doanh nghiệp hay ngân hàng thương mại bị phá sản ở Mỹ, đều có xác định rõ công việc Nhà nước phải làm để ổn định hoạt động và sau đó sẽ thoái lại cổ phần chứ không duy trì lâu dài doanh nghiệp Nhà nước. Nhận thức cho rằng, Nhà nước cần phải can thiệp, nói trên không phải là mới, vấn đề là ở chỗ liều lượng can thiệp Nhà nước - thị trường thế nào là hợp lý. Thực tế cho thấy rằng gắn với luận điểm đề cao vai trò điều tiết Nhà nước của Keynes, còn một luận điểm khác cũng mang tính chân lý: sự can thiệp Nhà nước quá mức cũng gây ra những hậu quả to lớn. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung là một bằng chứng. Cách đây 10 năm, trong một công trình nghiên cứu về cuộc khủng hoảng Đông Á của UNDP, các tác giả đã khẳng định rằng sai lầm trong chính sách và điều hành của Chính phủ cũng gây hậu quả cho nền kinh tế to lớn không kém, thậm chí còn lớn hơn sai lầm do điều tiết thị trường gây ra. Cuộc khủng hoảng Đông Á chính là một ví dụ minh họa. Nghiên cứu của UNDP còn nói rằng để mặc thị trường tự do tác động và gây hậu quả, suy đến cùng, cũng là trách nhiệm của Nhà nước.

Thứ ba, cuộc khủng hoảng kinh tế lần này khiến người ta vỡ ra một điều là, các nước đang phát triển châu Á không thể tiếp tục thất lung buộc bụng, tiết kiệm chi tiêu, tập trung cho đầu tư sản xuất để xuất khẩu sang các thị trường hướng về tiêu dùng ở các nước công nghiệp phát triển và các nước phát triển, như Mỹ, cũng không thể “lao theo” xã hội tiêu dùng mà quên mất thói quen tiết kiệm để đầu tư cho sản xuất được nữa. Tức là: (1) Kiểu tăng trưởng dựa vào mở rộng liên tục tín dụng cho tiêu dùng ở Mỹ trong khoảng 5-6 năm trước khủng hoảng sẽ không còn đất dung thân. Nước Mỹ đang tàn tiện hơn và phần còn lại của thế giới cũng sẽ như vậy. (2) Tăng trưởng dựa vào sự mở rộng liên tục của quy mô sản xuất và đánh cuộc vào thị trường xuất khẩu sẽ phải được cân đối lại. Bài học này sẽ áp dụng cho cả Trung Quốc, Việt Nam và các nước hướng vào xuất khẩu khác. (3) Tăng trưởng dựa vào đầu tư nước ngoài sẽ khó còn có cơ hội được áp dụng ở các nước châu Á, vì ít ra là trong tương lai gần, những nước này sẽ khó có thể tiếp cận được với nguồn tín dụng rẻ và dễ như trong thời gian vừa rồi. Với nhận thức như vậy, nên ngay từ bây giờ, các nước châu Á đang có kế hoạch chuyển sang một chính sách công nghiệp và thương mại, ngoài việc đẩy mạnh xuất khẩu, còn lấy nhu cầu nội địa làm động lực tăng trưởng chính, còn các nước công nghiệp phát triển cũng cần có những chính

sách khuyến khích người dân hạn chế tiêu dùng và cố gắng tiết kiệm dè dàu tư. Tuy vậy, để thực hiện được việc này, các nước châu Á lẫn các nước phát triển sẽ phải thay đổi cả một nền văn hóa, một phong cách tiêu dùng và một đường lối phát triển đã có từ hơn hai thập niên qua, và chắc chắn điều đó không thể làm được trong thời gian ngắn. Điều đó có nghĩa là, đối với các nước châu Á, họ cần cải thiện hệ thống an sinh xã hội và sử dụng biện pháp khuyến khích thuế để kích thích tiêu dùng và giảm mức tiết kiệm. Bởi vì lâu nay, văn hóa tiết kiệm và lối sống tằn tiện của nhiều người châu Á được hình thành một phần là do châu Á thiếu mạng lưới an sinh xã hội hay do hệ thống an sinh xã hội chưa phát triển hoặc kém hiệu quả. Đồng thời, trong những thập kỷ gần đây, đề công nghiệp hóa nhanh chóng, hầu hết các nước này đều thực thi chế độ thuế tập trung vào thúc đẩy đầu tư hơn là kích thích chi tiêu nội địa. Trong khi đó, các nước công nghiệp phát triển lại thiên về các chính sách thuế và an sinh xã hội khuyến khích tâm lý tiêu dùng thay vì tiết kiệm và đầu tư.

Thứ tư, có ý kiến cho rằng, mô hình tăng trưởng không chú trọng đúng mức tới tính hiệu quả của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và sự bền vững trong khai thác tài nguyên thiên nhiên tuy vẫn có thể tiếp tục thành công trong một thời gian, nhưng về lâu dài chắc chắn sẽ phải trả giá rất đắt. Vì thế, một trong những vấn đề mà các tổ chức quốc tế, các nước đang bàn đến nhiều nhất và một số nước đã bắt đầu có những cam kết cùng nhau giảm bớt lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, tiến hành chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cải tiến công nghệ theo hướng xây dựng một nền kinh tế xanh và phát triển bền vững, thống nhất coi đó là một trong những giải pháp cơ bản để tránh xảy ra khủng hoảng và duy trì sự tồn tại của loài người. Đó là một nền kinh tế có công nghệ cao, tiêu hao ít nguyên nhiên liệu, không gây ô nhiễm môi trường.

5. Đùng quá lạc quan mà tưởng rằng cơn bão “kinh tế - tài chính” đã qua đi. Mặc dù hiện nay nền kinh tế toàn cầu và hầu hết các nền kinh tế quốc gia hoặc đã có những dấu hiệu chậm dấy, hoặc đang thoát ra khỏi khủng hoảng hoặc thậm chí đang bắt đầu phục hồi và khởi sắc, nhưng kinh nghiệm cho thấy, chúng ta cũng không nên sớm hài lòng và quá lạc quan sau khi đã vượt qua được chặng đường chông gai nhất. Đùng vội nghĩ nền kinh tế của chúng ta đã bình phục hoàn toàn và đang trở nên mạnh mẽ trở lại như thường. Đùng là nỗi sợ hãi đã qua đi, cơn khiếp đảm không còn nữa, song những nguy cơ tiềm tàng với nền kinh tế mới ồm dậy thì vẫn còn đó. Đặc biệt những vấn đề thuộc về cơ cấu và thể chế, vốn được các nhà khoa học coi là những nguyên nhân căn bản gây ra cuộc khủng hoảng này vẫn còn nguyên và chưa hề được đụng đến, có thể bùng nổ trở lại bất cứ lúc nào với những hậu quả còn nghiêm trọng hơn nhiều, nếu không có những giải pháp hữu hiệu. Chính vì thế, các tổ chức quốc tế, các quốc gia và từng doanh nghiệp cần tiếp tục hợp tác để cùng nhau đánh giá lại một cách khách quan thực trạng của nền kinh tế (toàn cầu và từng quốc gia). Hiện nay, hiệu quả đích thực của các giải pháp vừa qua, từ đó tìm ra những giải pháp tiếp theo hợp lý, xem chúng ta cần đi theo hướng nào, cần tiếp tục các gói kích cầu hay dừng lại, và nếu tiếp tục thì sẽ tiến hành như thế nào, vẫn theo cung cách cũ hay có đôi khác. Đó là bài toán nan giải mà tất cả chúng ta cần phải chung sức để

tim ra và chắc chắn chúng ta sẽ phải trả giá đắt nếu giải sai. Nhiều người cho rằng, điều này cũng tương tự như bác sĩ chữa bệnh, sau khi cho bệnh nhân uống thuốc, thì sau đó phải biết loại thuốc đó đã tác động đến người bệnh như thế nào, tốt lên ở chỗ nào, như vậy mới cho uống thuốc tiếp. Nếu chưa biết hiệu quả của liều thuốc đầu như thế nào mà tổng thêm liều thuốc thứ hai thì rất có thể sức khoẻ bệnh nhân đi theo một hướng khác.

6. Chú ý đến người nghèo luôn phải là một trong những ưu tiên trong các chính sách và giải pháp chống khủng hoảng. Phải nói rằng, cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay đã tác động tiêu cực và nặng nề nhất đến người nghèo có thu nhập thấp. Theo ông Harukiko Kuroda, Chủ tịch ADB, nếu khu vực châu Á không bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trong năm 2008, thì năm qua đã có 60 triệu người có thể thoát khỏi mức nghèo với mức thu nhập thấp hơn 1,25 USD/ngày, 100 triệu người đã thoát khỏi mức cận nghèo với thu nhập dưới 2 USD/ngày. Cùng với việc có những gói kích cầu khổng lồ, nhằm cứu vớt các tổ chức tài chính tín dụng và các tập đoàn kinh doanh lớn, hầu hết các nước, nhất là các nước đang phát triển châu Á, còn tiến hành cải tổ và mở rộng hệ thống an sinh xã hội để có thể vừa bảo vệ được người nghèo, vừa thúc đẩy được tăng trưởng kinh tế, đề ra những chính sách và biện pháp nhằm hỗ trợ cho người nghèo, giúp họ vượt qua khó khăn trước mắt, sớm có việc làm, ổn định đời sống và chuẩn bị cho tương lai khi kinh tế phục hồi trở lại (như đào tạo và đào tạo lại người lao động bị thất nghiệp). Có thể nói, đây là việc làm hết sức cần thiết và cần được thực hiện chu đáo, vì người nghèo (và cận nghèo) hoặc có khó khăn chiếm một tỉ lệ lớn trong dân số nói chung và lực lượng lao động nói riêng, là lực lượng chủ đạo tạo ra của cải vật chất cho xã hội, họ cần được chăm lo. Hơn nữa, nếu để cho họ bị nghèo hay tái nghèo quá lâu và nghiêm trọng, sẽ dễ gây ra bất bình đẳng, bất mãn và bất ổn xã hội. Hậu quả của việc đó mà toàn xã hội tất phải gánh chịu là xung đột xã hội nổ ra, lan rộng và kinh tế tiếp tục chìm sâu trong suy thoái và khủng hoảng.

Có thể nói, đó chỉ là một số những kinh nghiệm chủ yếu trong rất nhiều kinh nghiệm mà các tổ chức quốc tế, các Chính phủ và các doanh nghiệp đã, đang và sẽ thực hiện để ứng phó nhằm thoát ra, phục hồi và có thể tăng trưởng ổn định, bền vững sau khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu hiện nay. Việc nghiên cứu kỹ và vận dụng triệt để, linh hoạt các kinh nghiệm này cũng có thể phần nào giúp chúng ta biến được thách thức từ khủng hoảng thành cơ hội để đổi mới và tiến lên.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Phương Anh (2009), *Bức tranh xám khủng hoảng tài chính*. Tạp chí *Tài chính*, số tháng 2.
2. Lưu Ngọc Trinh (2008), *Sự sụp đổ tài chính phố Wall và cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam*, Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số tháng 12.

3. Lưu Ngọc Trinh (2009). *Triển vọng kinh tế thế giới năm 2009 và những vấn đề đặt ra*. Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số tháng 3, trang 21-30.
4. Lưu Ngọc Trinh (chủ biên), (2009), *Kinh tế và Chính trị thế giới năm 2008 và Triển vọng năm 2009*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
5. Võ Đại Lược (2008). *Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay và những tác động*. Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số tháng 10, trang 3-10.
6. Võ Đại Lược (2009) *Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp*. Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 4, trang 38-46.
7. Khương Duy (2008). *Nỗ lực giải cứu cuộc khủng hoảng tài chính và triển vọng kinh tế Mỹ*. Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số tháng 9.
8. Nguyễn Xuân Thắng (2009), *Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những hệ lụy chủ yếu*. Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số tháng 4, trang 47-52.
9. Tào Khánh Hợp (2009). *Tái cấu trúc hệ thống tài chính toàn cầu sau khủng hoảng*. Tạp chí *Tài chính*, số 6.
10. Đỗ Hoài Nam (2009). *Một số lý thuyết kinh tế chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*. Tạp chí *Cộng sản Điện tử*, số 20 (188).
11. Phạm Bích Ngọc và Cao Tuệ Minh, (2009), *Trung Quốc với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu*. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 372, tháng 5.
12. Nguyễn Minh (2009), *Các thể chế toàn cầu trước thách thức mới*. Tạp chí *Cộng Sản*, số 799, tháng 5.
13. Nguyễn Văn Thanh (2009), *Khủng hoảng tài chính và những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản*. Tạp chí *Cộng Sản*, số 797, tháng 3.
14. Đặng Xuân Thanh *Toàn cảnh chính trị thế giới năm 2008*. Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số tháng 3 và 4.
15. Đinh Trọng Thịnh, (2009). *Qua khủng hoảng toàn cầu nghĩ về vai trò quản trị kinh tế của Nhà nước*. Tạp chí *Cộng sản điện tử*, số 20 (188).
16. Nguyễn Thiện Nhân & Nguyễn Văn Nam (2009), *Nhận dạng nguyên nhân khủng hoảng kinh tế Mỹ hiện nay*. Tạp chí *Kinh tế & Phát triển*, số 142, tháng 4, trang 3-11.